ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 873 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 6 năm 2015*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 3969
Ngày: 05/6/15
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu;

Xét Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 19/01/2015 của UBND huyện Sơn Hà về việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu;

Trên cơ sở kết quả thẩm tra của Sở Tài chính tại Báo cáo số 62/BC-STC-ĐT ngày 27/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Sơn Hà.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi;
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Tháng 5/2012 - 7/2014.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	**Còn được thanh toán**
Tổng cộng	**56.884.478.000**	**56.832.385.000**	**52.093.000**
- Vốn Ngân sách tỉnh	56.884.478.000	56.832.385.000	52.093.000

2. Chi phí đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số:	**63.362.000.000**	**56.884.478.000**
- Chi phí xây dựng	46.673.463.280	43.880.457.000
- Chi phí bồi thường, GPMB	10.510.000.000	10.235.156.000
- Chi phí quản lý dự án	740.415.776	296.955.000
- Chi phí tư vấn	2.246.913.915	2.029.314.000
- Chi phí khác	580.404.644	442.596.000
- Dự phòng	2.610.802.385	0

(Chi tiết có bảng phụ lục số 01 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	**Quy đổi**	**Thực tế**	**Quy đổi**
Tổng cộng			**56.884.478.000**	
- Tài sản cố định			56.884.478.000	
- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền *(đồng)*	Ghi chú
Tổng cộng	**56.884.478.000**	
- Vốn Ngân sách tỉnh	56.884.478.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

+ Nợ phải thu: 4.714.000 đồng.

+ Nợ phải trả: 339.323.550 đồng.

Nguồn vốn trả nợ cho dự án: Từ nguồn thu hồi thanh toán vượt là 4.714.000 đồng, sử dụng số tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư tại Ngân hàng là 282.516.550 đồng và bố trí bổ sung từ ngân sách tỉnh là 52.093.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số 02 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định *(đồng)*	Tài sản lưu động *(đồng)*
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Sơn Hà	56.884.478.000	0

3. UBND huyện Sơn Hà có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 62/BC-STC-ĐT ngày 27/5/2015 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(CN), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.345.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Viết Chữ

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN VỐN HOÀN THÀNH

Dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với CĐT trình
I	**Chi phí xây dựng**	**46.673.463.280**	**43.881.848.000**	**43.880.457.000**	**-2.793.006.280**	**-1.391.000**
1	**Gói thầu số 7**	**15.292.791.330**	**14.818.206.000**	**14.818.206.000**	**-474.585.330**	**0**
a	Giá trị hợp đồng ban đầu	14.439.867.828	14.035.291.000	14.035.291.000	-404.576.828	0
b	Điều chỉnh nhân công	465.778.436	420.005.000	420.005.000	-45.773.436	0
c	Phát sinh khối lượng	387.145.066	362.910.000	362.910.000	-24.235.066	0
2	**Gói thầu số 8**	**17.724.364.519**	**16.525.107.000**	**16.525.106.000**	**-1.199.258.519**	**-1.000**
a	Giá trị hợp đồng ban đầu	16.670.828.451	15.648.247.000	15.648.246.000	-1.022.582.451	-1.000
b	Điều chỉnh nhân công	436.236.403	374.305.000	374.305.000	-61.931.403	0
c	Phát sinh khối lượng	617.299.665	502.555.000	502.555.000	-114.744.665	0
3	**Gói thầu số 9**	**10.541.614.975**	**9.528.865.000**	**9.527.475.000**	**-1.014.139.975**	**-1.390.000**
a	Giá trị hợp đồng ban đầu	7.510.752.176	6.783.680.000	6.782.290.000	-728.462.176	-1.390.000
b	Điều chỉnh nhân công	102.560.260	86.988.000	86.988.000	-15.572.260	0
c	Phát sinh khối lượng	2.928.302.539	2.658.197.000	2.658.197.000	-270.105.539	0
4	**Gói thầu số 10**	**3.114.692.456**	**3.009.670.000**	**3.009.670.000**	**-105.022.456**	**0**
a	Giá trị hợp đồng ban đầu	2.909.312.948	2.821.794.000	2.821.794.000	-87.518.948	0
b	Điều chỉnh nhân công	182.947.799	165.514.000	165.514.000	-17.433.799	0
c	Phát sinh khối lượng	22.431.709	22.362.000	22.362.000	-69.709	0

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với CĐT trình
II	**Chi phí bồi thường, GPMB**	**10.510.000.000**	**10.235.156.000**	**10.235.156.000**	**-274.844.000**	**0**
1	Chi phí đền bù trực tiếp	7.576.025.175	7.540.269.000	7.540.269.000	-35.756.175	0
2	Chi phí phục vụ GPMB	227.280.755	227.279.500	227.279.500	-1.255	0
3	Đo vẽ lập bản đồ thu hồi đất	63.108.000	63.108.000	63.108.000	0	0
4	Chi phí GPMB và san lấp khu tái định cư Cà Tu	1.052.821.054	1.046.589.000	1.046.589.000	-6.232.054	0
5	Chi phí di dời đường dây điện	1.558.554.443	1.357.910.500	1.357.910.500	-200.643.943	0
6	Dự phòng	32.210.573	0	0	-32.210.573	0
III	**Chi phí quản lý dự án**	**740.415.776**	**296.955.000**	**296.955.000**	**-443.460.776**	**0**
IV	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**2.246.913.915**	**2.029.315.000**	**2.029.314.000**	**-217.599.915**	**-1.000**
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	433.783.897	343.610.000	343.610.000	-90.173.897	0
2	Khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán	754.870.188	741.082.000	741.081.000	-13.789.188	-1.000
3	Thẩm tra thiết kế BVTC và DT	92.201.234	88.336.000	88.336.000	-3.865.234	0
4	Lập hồ sơ mời thầu	64.925.182	25.970.000	25.970.000	-38.955.182	0
5	Giám sát thi công xây dựng	896.513.754	830.317.000	830.317.000	-66.196.754	0
6	Thí nghiệm thiết bị điện chiếu sáng	4.619.660	0	0	-4.619.660	0
V	**Chi phí khác**	**580.404.644**	**445.822.932**	**442.596.000**	**-137.808.644**	**-3.226.932**
1	Thẩm định dự án	17.863.068	8.420.000	8.420.000	-9.443.068	0
2	Thẩm định thiết kế BVTC và DT	21.983.759	0	0	-21.983.759	0
3	Thẩm định giá vật tư thiết bị	15.000.000	0	0	-15.000.000	0
4	Thẩm định kết quả đấu thầu	3.845.753	7.169.000	3.845.000	-753	-3.324.000
5	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	3.845.753	0	0	-3.845.753	0

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với CĐT trình
6	Bảo hiểm công trình	177.673.782	177.673.000	177.673.000	-782	0
7	Nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình	30.922.607	0	0	-30.922.607	0
8	Kiểm toán báo cáo quyết toán	195.851.942	195.851.942	195.851.000	-942	-942
9	Thẩm tra quyết toán	113.417.980	56.708.990	56.807.000	-56.610.980	98.010
VI	**Dự phòng**	**2.610.802.385**	**0**	**0**	**-2.610.802.385**	**0**
	Tổng cộng	**63.362.000.000**	**56.889.096.932**	**56.884.478.000**	**-6.477.522.000**	**-4.618.932**

Phụ lục số 02

BẢNG CÔNG NỢ

Dự án: Đường Tòa án huyện - Cà Tu

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 04 /6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Trong đó		Phải th (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Số tài khoản tiền gửi của CĐT tại Ngân hàng		
I	**Chi phí xây dựng**		**43.880.457.000**	**43.881.847.000**	**43.881.847.000**	**0**	**-1.390.000**	**0**
1	Gói thầu số 7	Công ty cổ phần xây dựng công trình Quảng Ngãi	14.818.206.000	14.818.206.000	14.818.206.000	0	0	0
2		C.ty cổ phần Tiến Hưng	10.966.730.000	10.966.730.000	10.966.730.000	0	0	0
3	Gói thầu số 8	Công ty cổ phần xây dựng công trình Quảng Ngãi	3.844.005.000	3.844.005.000	3.844.005.000	0	0	0
4		C.ty TNHH Hoàng Long	1.714.371.000	1.714.371.000	1.714.371.000	0	0	0
5		C.ty TNHH XD Đồng Khánh	3.645.035.000	3.646.425.000	3.646.425.000	0	-1.390.000	0
6	Gói thầu số 9	Công ty cổ phần xây dựng công trình Quảng Ngãi	1.892.360.000	1.892.360.000	1.892.360.000	0	0	0
7		C.ty TNHH MTV Hà Thủy	3.990.080.000	3.990.080.000	3.990.080.000	0	0	0
8	Gói thầu số 10	C.ty TNHH xây lắp và dịch vụ thương mại Thanh Niên	3.009.670.000	3.009.670.000	3.009.670.000	0	0	0
II	**Chi phí bồi thường, GPMB**		**10.235.156.000**	**10.235.156.000**	**9.952.639.450**	**282.516.550**	**0**	**282.516.550**
1	Chi phí đền bù trực tiếp	Dân và tổ chức	7.540.269.000	7.540.269.000	7.257.752.450	282.516.550	0	282.516.550

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Trong đó		Phải th (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Số tài khoản tiền gửi của CĐT tại Ngân hàng		
2	Chi phí phục vụ GPMB	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Hà	227.279.500	227.279.500	227.279.500	0	0	0
3	Đo vẽ lập bản đồ thu hồi đất	Công ty TNHH kỹ thuật đo đạt địa chính Quảng Ngãi	63.108.000	63.108.000	63.108.000	0	0	0
4	Chi phí GPMB và san lấp khu tái định cư Cà Tu	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Hà	1.046.589.000	1.046.589.000	1.046.589.000	0	0	0
5	Chi phí di dời đường dây điện		1.357.910.500	1.357.910.500	1.357.910.500	0	0	0
III	**Chi phí quản lý dự án**	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Hà	**296.955.000**	**296.955.000**	**296.955.000**	**0**	**0**	**0**
IV	**Chi phí TVĐT xây dựng**		**2.029.314.000**	**2.029.314.000**	**2.029.314.000**	**0**	**0**	**0**
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc	343.610.000	343.610.000	343.610.000	0	0	0
2	Khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán		741.081.000	741.081.000	741.081.000	0	0	0
3	Thẩm tra thiết kế BVTC và DT	Công ty tư vấn và kiểm toán xây dựng	88.336.000	88.336.000	88.336.000	0	0	0
4	Lập hồ sơ mời thầu	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Phong Thành	25.970.000	25.970.000	25.970.000	0	0	0
5	Giám sát thi công xây dựng	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Phong Thành	781.100.000	781.100.000	781.100.000	0	0	0
6		Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại An Bình	49.217.000	49.217.000	49.217.000	0	0	0

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Trong đó		Phải th (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Số tài khoản tiền gửi của CĐT tại Ngân hàng		
V	**Chi phí khác**		**442.596.000**	**389.113.000**			**-3.324.000**	**56.807.000**
1	Thẩm định dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.420.000	8.420.000	8.420.000	0	0	0
2	Thẩm định kết quả đấu thầu	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sơn Hà	3.845.000	7.169.000	7.169.000	0	-3.324.000	0
3	Bảo hiểm công trình	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Quảng Ngãi	177.673.000	177.673.000	177.673.000	0	0	0
4	Kiểm toán báo cáo quyết toán	Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Vạn An - Chi nhánh Quảng Ngãi	195.851.000	195.851.000	195.851.000	0	0	0
5	Thẩm tra quyết toán	Sở Tài chính	56.807.000	0	0	0	0	56.807.000
	Tổng cộng		**56.884.478.000**	**56.832.385.000**	**56.160.755.450**	**282.516.550**	**-4.714.000**	**339.323.550**
	Công nợ bù trừ						**334.609.550**	